

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **21/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 22 - 7 - 2024

V/v “*Không công nhận quan hệ
vợ chồng, tranh chấp về nuôi con,
cấp dưỡng nuôi con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Diêu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thế Kỳ.
2. Ông Nguyễn Xuân Thùy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa: Ông Phan Xuân Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 77/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024 về việc “*Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn 8, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông; vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Hoàng Văn D, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn 8, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà Nguyễn Thị T và ông Hoàng Văn D tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, hai

gia đình có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Trong thời kỳ chung sống, giữa bà T và ông D thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và đã sống đã ly thân với nhau từ năm 2022 đến nay. Nay nhận thấy không thể sống chung với nhau, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị T và ông Hoàng Văn D.

Về con chung: Trong quá trình sống chung, bà Nguyễn Thị T và ông Hoàng Văn D có 03 con chung là Hoàng Văn N, sinh ngày 30/07/1997, Hoàng Thị N, sinh ngày 26/08/1998 và Hoàng Thị Thu H, sinh ngày 14/12/2007. Bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung Hoàng Thị Thu H, sinh ngày 14/12/2007 cho Bà Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi Hoàng Thị Thu H đủ 18 (mười tám) tuổi. Đối với các con chung Hoàng Văn N và Hoàng Thị N đều đã đủ 18 tuổi nên bà T không yêu cầu giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hoàng Văn D cấp dưỡng nuôi con chung Hoàng Thị Thu H với mức cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng. Nay Bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hoàng Văn D cấp dưỡng nuôi con chung Hoàng Thị Thu H, sinh ngày 14/12/2007 với số tiền 2.000.000 đồng/tháng, thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng bắt đầu kể từ ngày 25/8/2024 cho đến khi con chung Hoàng Thị Thu H đủ 18 (mười tám) tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Hoàng Văn D trình bày:

Ông Hoàng Văn D đồng ý với lời khai của Bà Nguyễn Thị T về thời gian sống chung, mâu thuẫn và thời điểm ly thân. Hiện nay nhận thấy tình cảm của ông D và bà T không còn, không thể tiếp tục sống chung với nhau nên ông D yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Hoàng Văn D và Bà Nguyễn Thị T.

Về con chung: Trong quá trình sống chung, ông Hoàng Văn D và bà Nguyễn Thị T có 03 con chung là Hoàng Văn N, sinh ngày 30/07/1997, Hoàng Thị N, sinh ngày 26/08/1998 và Hoàng Thị Thu H, sinh ngày 14/12/2007. Nay ông Hoàng Văn D đồng ý giao con chung Hoàng Thị Thu H, sinh ngày 14/12/2007 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi Hoàng Thị Thu H đủ 18 (mười tám) tuổi. Đối với các con chung Hoàng Văn N và Hoàng Thị N đều đã đủ 18 tuổi nên ông Hoàng Văn D không yêu cầu giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Hoàng Văn D đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung Hoàng Thị Thu H, sinh ngày 14/12/2007 với số tiền 2.000.000 đồng/tháng, thời

gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng bắt đầu kể từ ngày 25/8/2024 cho đến khi con chung Hoàng Thị Thu H đủ 18 (mười tám) tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Hoàng Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi được phân công giải quyết vụ án cho đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b mục 3 Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị T đối với bị đơn Hoàng Văn D. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Hoàng Văn D và bà Nguyễn Thị T. Về con chung: Giao con chung Hoàng Thị Thu H, sinh ngày 14/12/2007 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi Hoàng Thị Thu H đủ 18 (mười tám) tuổi. Đối với các con chung Hoàng Văn N, Hoàng Thị N đều đã đủ 18 tuổi và ông D, bà T không yêu cầu nên không đề nghị xem xét, giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Hoàng Văn D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Hoàng Thị Thu H, sinh ngày 14/12/2007 với số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng, thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng bắt đầu kể từ ngày 25/8/2024 cho đến khi con chung Hoàng Thị Thu H đủ 18 (mười tám) tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Hoàng Văn D và Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu nên không đề nghị xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Hoàng Văn D và bà Nguyễn Thị T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1996 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Trong quá trình sống chung giữa ông D và bà T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, hiện nay ông D và bà T không còn sống chung với nhau. Bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ

chồng giữa Bà Nguyễn Thị T và ông Hoàng Văn D. Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông thụ lý vụ án và xác định quan hệ tranh chấp là “*Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con chung*” theo quy định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nơi cư trú của bị đơn ông Hoàng Văn D tại thôn 8, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn Bà Nguyễn Thị T và bị đơn ông Hoàng Văn D đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông D, bà T theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị T:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Hoàng Văn D xác nhận bà T và ông D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Chính quyền địa phương nơi bà T và ông D cư trú cũng xác nhận bà T và ông D chưa thực hiện việc đăng ký kết hôn từ năm 1996 đến nay. Như vậy, việc bà T và ông D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 mà không thực hiện đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm b mục Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội, nên Hội đồng xét xử xét thấy cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Bà Nguyễn Thị T và ông Hoàng Văn D.

Tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”.

Tại điểm b mục Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội quy định:

“...b) Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 để giải quyết.

Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng”.

[3.2] Về con chung: Theo Điều 15 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Quyền, nghĩa vụ giữa nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng và con được giải quyết theo quy định của Luật này về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con”.*

Trong quá trình chung sống, Bà Nguyễn Thị T và ông Hoàng Văn D có 03 con chung là Hoàng Văn N, sinh ngày 30/07/1997, Hoàng Thị N, sinh ngày 26/08/1998 và Hoàng Thị Thu H, sinh ngày 14/12/2007. Đối với các con chung Hoàng Văn N, Hoàng Thị N đều đã đủ 18 tuổi và ông D, bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Đối với con chung Hoàng Thị Thu H, sinh ngày 14/12/2007, quá trình giải quyết Hoàng Thị Thu H có nguyện vọng được ở với mẹ là bà Nguyễn Thị T. Ông Hoàng Văn D và Bà Nguyễn Thị T thống nhất thỏa thuận giao con chung Hoàng Thị Thu H cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi Hoàng Thị Thu H đủ 18 (mười tám) tuổi. Xét sự thỏa thuận của ông Hoàng Văn D và Bà Nguyễn Thị T là tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của con chung Hoàng Thị Thu H, nên cần chấp nhận.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi dưỡng có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hoàng Văn D phải cấp dưỡng nuôi con chung Hoàng Thị Thu H với mức cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng. Quá trình giải quyết, ông D và bà T thống nhất thỏa thuận ông Hoàng Văn D cấp dưỡng nuôi con chung Hoàng Thị Thu H với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng, thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng bắt đầu kể từ ngày 25/8/2024 cho đến khi con chung Hoàng Thị Thu H đủ 18 (mười tám) tuổi. Xét sự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con của ông D và bà T là tự nguyện và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân gia đình, nên cần chấp nhận.

Việc thực hiện, thay đổi, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các điều 107, 110, 118 và 119 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Hoàng Văn D và Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông tại phiên tòa là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[5] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị T đối với bị đơn ông Hoàng Văn D.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Thị T phải chịu số tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà Bà Nguyễn Thị T đã nộp tạm ứng.

Ông Hoàng Văn D phải chịu số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b mục 3 Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị T đối với ông Hoàng Văn D.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Hoàng Văn D và Bà Nguyễn Thị T.

1.2. Về con chung: Giao con chung Hoàng Thị Thu H, sinh ngày 14/12/2007 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi Hoàng Thị Thu H đủ 18 (mười tám) tuổi.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi dưỡng có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Hoàng Văn D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Hoàng Thị Thu H, sinh ngày 14/12/2007 với số tiền 2.000.000đ (*hai triệu đồng*)/tháng, phương thức cấp dưỡng định kỳ tháng, thực hiện vào ngày 25 hàng tháng, thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng bắt đầu kể từ ngày 25/8/2024 cho đến khi con chung Hoàng Thị Thu H đủ 18 (mười tám) tuổi.

Việc thực hiện, thay đổi, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các điều 107, 110, 118 và 119 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án. Nếu bên phải thi hành không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

1.4. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Hoàng Văn D và Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) mà Bà Nguyễn Thị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002622 ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

Ông Hoàng Văn D phải chịu số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án

được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- Chi cục THADS huyện Đắk R'Lấp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Xuân Diệu